

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 06/12/2017

"V/v: ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Mạc Minh Quang

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chất

Ông Nguyễn Huy Hiệu

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Cán bộ Tòa án.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - KSV.

Ngày 06/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/TLPT-HNGĐ ngày 09/11/2017 về việc ly hôn. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 13/7/2017 của TAND huyện Kinh Môn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2017/QĐXX-PT ngày 21/11/2017 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1958

- Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1958.

Đều cư trú tại: thôn Q, xã T, huyện K, Hải Dương.

(Tại phiên tòa có mặt ông Đ, bà N).

**Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN, KHÁNG CÁO, KHÁNG NGHỊ:

Theo bản án sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 13/7/2017 của TAND huyện Kinh Môn, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông Đ trình bày, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là trước khi kết hôn với bà N, ông Đ có con riêng. Vì vậy, khi con gái riêng của ông về thăm gia đình, do hiểu lầm nên ông bà mâu thuẫn cãi nhau. Ông đã chủ động nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cụ thể từ năm 2008 đến nay, ông đã tổ chức họp gia đình hai lần mục đích để hòa giải nhưng bà N không đồng ý nên

tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng ông sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, kinh tế hoàn toàn độc lập và không quan tâm đến nhau. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Bà N thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như ông Đ trình bày là đúng. Bà xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông Đ, mà chỉ nhất trí ly hôn khi con trai út của ông bà là anh Phạm Tuấn A đã lập gia đình.

Về con chung : Ông Đ bà N đều xác định vợ chồng có 04 con chung là Phạm Văn T, sinh năm 1983 ; Phạm Thị B, sinh năm 1983 ; Phạm Thị C, sinh năm 1986 ; Phạm Tuấn A, sinh năm 1991. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông bà không có đề nghị gì.

Về tài sản chung: ông bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 13/7/2017, TAND huyện Kinh Môn áp dụng: khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Cho ông Phạm Văn Đ ly hôn bà Lê Thị N.
- Về con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không giải quyết. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2017, TAND huyện Kinh Môn nhận được đơn kháng cáo của bà Lê Thị N. Bà N kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Phạm Văn Đ, nếu ly hôn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Đ giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về hướng giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Đ bà N đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Bà N kháng cáo xin đoàn tụ nhưng không có căn cứ được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Kháng cáo của bà Lê Thị N trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Ông Đ và bà N kết hôn từ năm 1981 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà N là hôn nhân hợp pháp như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Sau khi kết hôn ông Đ, bà N đều xác định vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm. Vì vậy vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T cũng như trình bày của ông bà có căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông Đ và bà N đã kéo dài nhiều năm nay, mức độ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật xử cho ông Đ ly hôn bà N là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà N trình bày không đồng ý ly hôn vì do ông Đ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con và không muốn ly hôn vì giữ thể diện của gia đình. Tuy nhiên ông Đ không thừa nhận và bà N cũng không có căn cứ chứng minh việc ông Đ ngoại tình và các lý do khác bà đưa ra để xin đoàn tụ là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm bà N còn yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung của vợ chồng. Xét yêu cầu này của bà N thì thấy: tại cấp sơ thẩm bà không yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, vì vậy cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết yêu cầu này trong cùng một vụ án. Nếu sau này bà và ông Đ không tự thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng, thì bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí phúc thẩm dân sự ly hôn theo quy định.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N.
- Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 13/7/2017 của TAND huyện Kinh Môn.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn bà Lê Thị N.

Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000^d án phí phúc thẩm dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001209 ngày 08/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/12/2017).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mạc Minh Quang